\*Đăng dự án

|  |  |
| --- | --- |
| * Tên use case: Đăng dự án | |
| * Mô tả sơ lược: chức năng đăng dự án giúp cho người quản lí có thể thêm 1 dự án mới cho các nhân viên | |
| * Actor chính: Người quản lí | |
| * Actor phụ: Không | |
| * Tiền điều kiện (Pre-condition): có được thông tin của dự án đó | |
| * Hậu điều kiện (Post-condition): Dư án được thêm thành công vào CSDL | |
| * Luồng sự kiện chính (main flow): | |
| Người quản lí | Hệ thống |
| 1. Người quản lí chọn chức năng quản lí dự án | 1. Hệ thống hiển thị giao diện quản lí dự án |
| 1. Người quản lí chọn chức năng thêm dự án | 1. Hệ thống hiển thị mẫu thông tin để nhập vào |
| 1. Người quản lí nhập thông tin chi tiết của dự án cần thêm vào | 1. Hệ thống kiểm tra dữ liệu nhập vào. |
| 7.Người quản lí bấm vào nút thêm trên mẫu thông tin đó | 8.Hệ thống hiển thị thông báo đăng thông tin thành công. |
|  |  |
| * Luồng sự kiện thay thế (alternate flow): | |
|  | 6.1. Hệ thống hiển thị thông báo chưa nhập thông tin hoặc thông tin nhập sai. |
| 6.2. Người quản lí xác nhận. | 6.3. Hệ thống quay lại bước 4. |

Diagram

Description automatically generated

\*Xóa dự án

|  |  |
| --- | --- |
| * Tên use case: Xóa dự án | |
| * Mô tả sơ lược: chức năng xóa dự án giúp cho người quản lí có thể xóa 1 dự án | |
| * Actor chính: Người quản lí | |
| * Actor phụ: Không | |
| * Tiền điều kiện (Pre-condition): dự án cần xóa phải có trong hệ thống | |
| * Hậu điều kiện (Post-condition): dự án cần xóa bị xóa khỏi CSDL | |
| * Luồng sự kiện chính (main flow): | |
| Actor | System |
| 1. Người quản lí chọn chức năng quản lí dự án | 1. Hệ thống hiển thị giao diện quản lí dự án |
| 1. Người quản lí chọn dự án cần xóa và bấm nút xóa | 1. Hệ thống hiện thị thông báo xác nhận |
| 1. Người quán lí xác nhận xóa | 1. Hệ thống thông báo xóa thành công   Và cập nhật thông tin vào csdl |

Diagram

Description automatically generated

\*Cập nhật dự án

|  |  |
| --- | --- |
| * Tên use case: Cập nhật dự án | |
| * Mô tả sơ lược: chức năng cập nhật dự án giúp cho người quản lí có thể chỉnh sửa dự án nào đó | |
| * Actor chính: Người quản lí | |
| * Actor phụ: Không | |
| * Tiền điều kiện (Pre-condition): dự án cần cập nhật phải có trong hệ thống | |
| * Hậu điều kiện (Post-condition): dự án được cập nhật thành công vào CSDL | |
| * Luồng sự kiện chính (main flow): | |
| Người quản lí | Hệ thống |
| 1. Người quản lí chọn chức năng quản lí dự án | 1. .Hệ thống hiển thị giao diện quản lí dự án |
| 1. Người quản lí chọn dự án cần chỉnh sửa và bấm vào nút cập nhật | 1. Hệ thống hiển thị mẫu thông tin cần chỉnh sửa |
| 1. Người quản lí sửa lại thông tin và bấm nút cập nhật | 1. Hệ thống kiểm tra dữ liệu nhập vào. |
|  | 7.Hệ thống hiển thị thông báo cập nhật thông tin thành công. |
| * Luồng sự kiện thay thế (alternate flow): | |
|  | |
|  | 6.1. Hệ thống hiển thị thông báo chưa nhập thông tin hoặc thông tin nhập sai. |

|  |  |
| --- | --- |
| 6.2. Người quản lí xác nhận. | 6.3. Hệ thống quay lại bước 4. |

Diagram

Description automatically generated

\*phân công dự án

|  |  |
| --- | --- |
| * Tên use case: Phân công dự án | |
| * Mô tả sơ lược: chức năng phân công dự án giúp cho người quản lí dễ dàng phân chia công việc cho các nhân viên | |
| * Actor chính: Người quản lí | |
| * Actor phụ: Không | |
| * Tiền điều kiện (Pre-condition): Dự án đó phải có các công việc | |
| * Hậu điều kiện (Post-condition): Công việc được phân chia cho các nhân viên | |
| * Luồng sự kiện chính (main flow): | |
| Người quản lí | Hệ thống |
| 1. Người quản lí chọn chức năng quản lí dự án | 1. Hệ thống hiển thị giao diện quản lí dự án |
| 1. Người quản lí bấm vào dự án đó | 1. Hệ thống hiển thị danh sách các công việc cần thực hiện trong dự án đó |
| 1. Người quản lí chọn công việc cần phân công | 1. Hệ thống mẫu tin chi tiết công việc đó |
| 7.Người quản lí nhập thông tin nhân viên làm công việc đó và bấm vào nút xác nhận | 8.Hệ thống hiển thị thông báo phân công thành công và cập nhật vào CSDL |
|  |  |

Diagram

Description automatically generated